CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 138 /TB-CTN	*Đắk Lắk, ngày 10 tháng 10 năm 2025*

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-CTN ngày 24/11/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá có đến 0 giờ ngày 01/07/2022;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-CTN ngày 23/5/2023 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc Thanh lý công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá hư hỏng sau kiểm kê;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-CTN ngày 25/10/2023 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá có đến 00 giờ ngày 01/7/2023;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-CTN ngày 20/5/2024 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá có đến 00 giờ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá hư hỏng theo kết quả kiểm kê 06 tháng đầu năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-CTN ngày 21/4/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hoá có đến 00 giờ ngày 01/01/2025;

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên thông báo việc lựa chọn Tổ chức thẩm định giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản thanh lý như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản thẩm định giá

- Tên đơn vị: **Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.**

- Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

2. Tài sản thẩm định giá

- Tài sản thẩm định gồm: Tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hàng hóa (*Có danh mục cụ thể đính kèm*)

3. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá trị tài sản làm cơ sở bán đấu giá tài sản thanh lý theo quy định.

4. Các yêu cầu đối với tổ chức thẩm định giá

- Doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, có tên trong danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá năm 2025 theo Thông báo của Bộ Tài chính. Không thuộc trường hợp không được thẩm định giá theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành, không nằm trong danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày 01/01/2025 tại thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Doanh nghiệp ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề thẩm định giá tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho đến nay. Có ít nhất 02 thẩm định viên về giá đủ năng lực thẩm định giá loại tài sản cần thẩm định.

- Doanh nghiệp có tối thiểu 02 hợp đồng thẩm định giá tài sản thanh lý (có bản sao công chứng hợp đồng).

- Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (*đã bao gồm các chi phí khảo sát, thu thập thông tin,.... để thẩm định giá tài sản*) phù hợp với quy định của pháp luật, có tính cạnh tranh.

- Có kế hoạch để tổ chức thẩm định giá (*Thời gian thực hiện, ban hành chứng thư*).

- Có phương án giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá; giải trình và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và các thông tin cần thiết khác; chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp có lỗi, thẩm định giá sai.

5. Hình thức lựa chọn tổ chức thẩm định giá: Đơn vị được lựa chọn là đơn vị đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại mục 4 và có giá chào thấp nhất.

6. Hồ sơ đăng ký, gồm:

- Văn bản đề nghị thực hiện thẩm định giá.

- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập doanh nghiệp, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp,…)

- Bản mô tả năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp (Hợp đồng thẩm định giá tài sản thanh lý, hồ sơ nhân sự thẩm định giá….)

- Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm thuế, chi phí đi lại khảo sát, thu nhập thông tin để thẩm định giá), phương án thẩm định giá

7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký

- Thời gian nhận hồ sơ: Kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đến trước 17 giờ ngày **31/10/2025** trong giờ hành chính. (Hồ sơ gửi theo đường bưu điện sẽ được tính theo dấu bưu điện).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Phú Yên, Số 05 đường Hải Dương, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk;

- Hồ sơ được dán kín và ghi rõ ngoài bìa: Hồ sơ tham gia lựa chọn đơn vị thẩm định giá tài sản thanh lý.

- Người trực tiếp đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (***Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ tham gia không được lựa chọn).***

Công ty Cổ phần cấp thoát nước Phú Yên mong nhận được sự quan tâm của các tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp. Mọi chi tiết xin liên hệ: Văn phòng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên, số điện thoại: 0257.3823557./.

Nơi nhận:
- Website Công ty;
- Lưu VT, HĐTL.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4400115690 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN * P.TUY HÒA - TỈNH ĐẮK LẮK

Đỗ Hoàng Long

Danh mục tài sản đề nghị thẩm định giá

(Kèm theo Thông báo số 138 /TB-CTN, ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên)

STT	Tên, ký hiệu quy cách	ĐVT	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng
I. Danh mục tài sản còn nguyên vẹn				
1	Máy in siêu tốc Tally Genicom T6218 (05 Hải Dương)	Cái	01	2011
2	Máy in hoá đơn tốc độ cao Printronti	Cái	01	2015

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
II	**Vật tư, phế liệu thu hồi cho thanh lý**				
1	Đồng hồ 15 ly (cũ, hỏng)	Cái			
	- Đồng hồ 15 ly thân đồng	Cái	Thân đồng, ruột nhựa	14.045	10.921
	- Đồng hồ 15 ly thân nhựa	Cái	Thân nhựa, ruột nhựa	825	412
	- Đồng hồ 15 ly thân hợp kim	Cái	Thân hợp kim, ruột nhựa	4	2
2	Đồng hồ 40ly (cũ, hỏng)	Cái	Thân đồng, ruột nhựa	34	260
3	Đồng hồ DN20 (cũ, hỏng)	Cái	Thân đồng, ruột nhựa	46	82
4	Đồng hồ DN25 (cũ, hỏng)	Cái	Thân đồng, ruột nhựa	36	93
5	Tôn mạ màu sóng vuông KT: 7.86 x 1.07 m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	3	12
6	Cửa cổng phụ KT: 1.1 x 1.7m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	36
7	Cửa cổng chính KT: 4.4 x 1.7m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	130
8	Hàng rào sắt KT 1.45 x 1.1m (hỏng, thu hồi)	Cái	Sắt	18	1.080
9	Mối nối mềm DN150 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	10	181

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
10	Mối nối mềm EE DN300 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	4	150
11	Khuôn cửa, cửa sổ KT: 0.85 x 2.2m (Hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	30
12	Mối nối mềm DN250 EE (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	4	80
13	Cút thép 90 độ DN250 gia công (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	38
14	Cút thép 90 độ DN250 gia công BB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	42
15	Đai khởi thủy thép DN250 x 50 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	2
16	Tê thép DN250/150 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	40
17	Tê thép DN250/100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	30
18	Mặt bích thép rỗng DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	3	10
19	Van góc đồng DN15 (hỏng, thu hồi)	Cái	Đồng	79	15,3
20	Van cổng gang 2 chiều DN300 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	115
21	Van cổng gang 2 chiều DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	31
22	Mối nối mềm DN250 EE (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	20
23	Tole lạnh sóng vuông (hỏng, thu hồi)	m2	Thép	20	40
24	Van cổng DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	4	126
25	Cửa sắt kéo KT 3m x 2.7m (hỏng, thu hồi)	Cái	Sắt	1	120
26	Mối nối mềm DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	10
27	Van 2 chiều DN200 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	4	200
28	Mối nối mềm DN200 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	7	84
29	Tê gang DN300 FFF (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	90

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
30	Bu thép DN300; L=0,25m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	15
31	Bu thép DN300; L=0.35m (hỏng,thu hồi)	Cái	Thép	1	21
32	Bu thép DN300; L= 0,6mm (hỏng,thu hồi)	Cái	Thép	1	30
33	Mối nối mềm gang DN300 BE (hỏng,thu hồi)	Cái	Gang	1	21
34	Trụ cứu hoả (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	2	126
35	Van 1 chiều DN80 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	21
36	Mối nối mềm DN80 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	2	8
37	Cửa sắt kéo KT 3m x 3m (hỏng, thu hồi)	Cái	Sắt	1	100
38	Khuôn cửa sắt kéo L=3,5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Sắt	1	6
39	Cửa sổ nhôm KT 1.2 x 1.8m (hỏng, thu hồi)	Cái	Nhôm	1	10
40	Cổng phụ bằng thép ống KT 1.7m x 1.8m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	60
41	Van đồng thu hồi DN15	Cái	Đồng	3.238	809
42	Van đồng thu hồi DN40	Cái	Đồng	30	24,4
43	Racco thu hồi DN15	Cái	Đồng	11.971	839
44	Tôn, kích thước 2.5 x 1.1m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	47	376
45	Tôn, kích thước 6.1 x 1.1m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	5	95
46	Tôn, kích thước 3.0 x 1.15m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	1	10
47	Tôn, kích thước 7.0m x 1.4m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	1	28
48	Máng thoát nước dài 23.5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	10
49	Xà gồ thép hộp (hỏng, thu hồi)	Kg	Thép	101,1	101,1
50	Tê thép UUB D300/100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	40
51	BU thép DN100; L=0.5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	6
52	Tê thép UUB DN200/100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	24

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
53	BU thép DN100; L=0.5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	6
54	Van 1 chiều DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	20
55	Van xả khí DN25 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	3
56	Van gang tay quay DN300 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	3	450
57	Van đồng thu hồi DN20	Cái	Đồng	23	4,6
58	Van đồng thu hồi DN25	Cái	Đồng	10	4
59	Côn thép DN200/100 BB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	21
60	Tê gang DN200/100 BBB (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	27
61	BU HDPE DN225 (hỏng, thu hồi)	Cái	Nhựa	3	9
62	Bích thép rỗng DN200 (hỏng,thu hồi)	Cái	Thép	4	32
63	Racco đồng hồ thu hồi DN20	Cái	Đồng	17	1,7
64	Tole lạnh sóng vuông KT: 3,05m x 3.3m (hỏng, thu hồi)	M2	Thép	10	32
65	Van cổng 2 chiều DN80 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	16
66	Van cổng ty nổi tay quay DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	30	840
67	Van cổng ty nổi tay quay DN200 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	50
68	BU thép DN100 BB (L=3.7m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	6	150
69	BU thép DN100 BB (L=0.75m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	5
70	BU thép DN100 BB (L=1.4m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	10
71	BU thép DN100 BB (L=2.8m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	36
72	BU thép DN100 BB (L=1.8m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	15
73	BU thép DN100 BB (L=4m) (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	26
74	Y thép gia công DN100 BBB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	19	285

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
75	Đai khởi thuỷ bằng thép DN200 (và các phụ kiện đấu nối kèm theo) (hỏng, thu hồi)	Bộ	Thép	5	25
76	Bích thép đặc DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	8	16
77	Côn gang DN200/150 FF (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	45
78	BU thép DN100 BU (L=1.3m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	10
79	BU thép DN100 BU (L=0.8m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	5
80	BU thép DN50 BU (L=0.15m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	4	4
81	Trụ cứu hoả DN100 (mất đế) hỏng, thu hồi	Cái	Gang	2	100
82	Đoạn Z thép DN100 BB (L=1.35m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	15
83	BU thép DN100 BB (L=1m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	5
84	Đồng hồ đo lượng nước DN100/25 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	15
85	Đồng hồ đo lượng nước DN80 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	11
86	Tụ bù công suất phản kháng công suất 10Kvar – 3pha 400V (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép, thiết bị điện	2	4
87	Bộ đề 24V – 4.5kw (hỏng, thu hồi)	Cái	Thiết bị điện	1	14
88	Tê thép gia công DN100 UUU; L=0.45 x 0.25 (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	5
89	Bu thép DN100, BU L=1.15m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	12
90	Biến tần 37kw Model ATV221HD37N4 hiệu Schneider (hỏng, thu hồi)	Cái	Thiết bị điện tử	1	23
91	Bịt thép gia công DN150; L= 0.4m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	11
92	Khung cửa nhôm + cánh cửa đi nhôm kính một cánh, KT L x H = 0,78 x 2,68m (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhôm	6	48

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
93	Khung ngoại nhôm + cánh cửa đi nhôm kính một cánh, KT L x H= 0,85m x 2,65m (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhôm	1	8
94	Khung ngoại nhôm + cánh cửa đi nhôm kính một cánh, KT L x H= 0,86m x 2,66m (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhôm	3	24
95	Quạt trần (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	14
96	Máy điều hoà Mitsubishi gồm dàn nóng + dàn lạnh (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhựa, đồng linh kiện điện tử	1	20
97	Khung ngoại nhôm + cánh cửa sổ lùa nhôm kính KT L x H= 1,25m x 1,85m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	8
98	Máy điều hoà FUNIKI gồm dàn nóng + dàn lạnh (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhựa, đồng linh kiện điện tử	1	20
99	Khung cửa nhôm KT L x H= 2,05m x 1,97m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	28
100	Khung cửa nhôm kính KT L x H= 2,0m x 2,3m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	28
101	Khung cửa nhôm KT L x H=2,02m x 2,17m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	28
102	Khung + cửa nhôm kính, KT L x H= 1,1m x 2,17m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7
103	Khung nhôm kính KT L x H= 2,0m x 0,6m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	4
104	Khung nhôm kính KT L x H= 2,0m x 0,7m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	6	12
105	Khung nhôm kính, LT LxH= 2,0m x 0,75m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	4	8
106	Khung + cửa nhôm kính, KT L x H= 1,1m x 2,28m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7
107	Khung + cửa nhôm kính KT L x H= 1,1m x 1,98m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
108	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,1m x 0,78m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	4	6
109	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,1m x 0,72m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	4	6
110	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,1m x 0,68m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	4	6
111	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,0m x 2,17m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7
112	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,0m x 2,28m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7
113	Khung nhôm kính, KT L x H = 1,0 x 1,98m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	7
114	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 1,95m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	9
115	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 2,17m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	9
116	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 2,30m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	1	9
117	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 0,77m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	3
118	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 0,73m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	3
119	Khung nhôm kính, KT L x H = 0,8m x 0,6m (hỏng, thu hồi)	Khung	Nhôm	2	3
120	Mái tôn nhà xe KT L x H= 1,1m x 2,5m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	19	38
121	Mái tôn nhà xe KT L x H= 0,5m x 2,5m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	2	2
122	Mái tôn nhà xe KT L x H= 0,5m x 1,5m (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	1	2
123	Máng xối thu nước bằng tôn tráng kẽm, L= 9 mét (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	12
124	Hệ trụ chính thép phi 90 L= 2,4m + Đà vươn thép phi 49 L=4,5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	8	128
125	Tấm thép đặc D500 (hỏng, thu hồi)	Tấm	Thép	1	34
126	Mối nối mềm DN200 (hỏng,thu hồi)	Cái	Gang	2	24

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
127	Trụ cứu hỏa DN100 (mất đế) hỏng, thu hồi	Cái	Gang	1	80
128	Bu thép DN200, UU (L=0,5m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	2	25
129	Cút 90 độ thép D200, BB(L=0,6m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	2	60
130	Tê thép DN200, BUB (L=0,7m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	42
131	Cút 90 độ thép DN200, BU (L=3,8m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	76
132	Bu thép DN100, BU (L=0,28m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	4
133	Cút 90 độ thép DN100, BB (L= 0,33m) hỏng, thu hồi	Cái	Thép	1	6
134	BU thép D200, L=0,5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	21
135	BU thép D200, L=1.2m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	39
136	Bộ cửa lùa bằng nhôm, kích thước (D x R) 1600*1400mm (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhôm	2	14,4
137	Côn thép D100/80BB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	10
138	Bu thép DN100 BB, L= 1,85mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	20
139	Bu thép DN100 BU, L=1,2m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	11
140	Bu thép DN50 BU, L=0,2m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	6
141	Bu thép DN80 BU, L= 0,15m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	6
142	Mối nối mềm DN100 BE (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	7,5
143	Tê thép D100 BBB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	26
144	Tê thép D100 UUB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	12
145	Tê thép D100/50 BBB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	10
146	Tê thép D100/50 BUB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	9

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
147	Thập thép D100 BBBU (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	19
148	Thập thép D100 BBUU (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	13
149	Bu thép DN100 BB, L=0,25m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	7
150	Bu thép DN100 BU; L=1,4m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	28
151	Bu thép DN100 BU; L=2,45m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	36
152	Bu thép DN100 BU; L= 0,5m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	14
153	Bu thép DN100 BU; L= 0,6m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	8
154	Bu thép DN100 BU; L= 0,2m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	6	27
155	Bu thép DN100 BU; L= 1,1m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	10,5
156	Bu thép DN150 BU; L= 0,7m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	25
157	Đồng hồ DN100 (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	5	90
158	Tê thép DN100 UUB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	48
159	Tê thép DN150/100 BBU (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	35
160	Tê thép DN150/100 UUB (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	24
161	Tê thép DN150/100 UUU (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	2	36
162	Bu thép DN100 BU, L=0,25m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	5
163	Côn thép D80/100, BU L= 1,35m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	6
164	Bu thép DN100, BB L= 3m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	20
165	Cửa đi bằng nhôm 4 cánh + ô kính cố định, kích thước: (DxR) 2800 x 2600mm (hỏng, thu hồi)	Bộ	Nhôm	1	32
166	Quạt thông gió trên thông 300 x 300mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thiết bị điện	2	3

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
167	BU thép D150, L= 1,5mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	37
168	BU thép D150, L= 2,2mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	53
169	BU thép D150, L= 0,44mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	15
170	BU thép D150, L= 3,76mm (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	86
171	Chân đế trụ cứu hỏa (hỏng, thu hồi)	Cái	Gang	1	18,0
172	Z thép DN100, BB L=0.6m (hỏng, thu hồi)	Cái	Thép	1	14
III	**Danh mục CCDC đã hư hỏng, không còn sử dụng được cho thanh lý**				
1	Máy vi tính I3-4130 4Gb Kingmax	Cái	Nhựa linh kiện điện tử	1	12
2	Máy vi tính CPU G2030	Cái	Nhựa linh kiện điện tử	3	28
3	Máy hàn ống HDPE D20-63	Cái	Thép, nhựa	3	7
4	Bộ CPU máy tính (bộ gồm bàn phím + chuột)	Bộ	Nhựa linh kiện điện tử	1	6
5	Đầu đo PH Model DPD1P1	Cái	Nhựa thuỷ tinh	1	1,9
6	Đèn Sensor độ đục online 1720E 18950	Cái	Thuỷ tinh	1	0,1
7	Động cơ bơm chìm N=4kw, Hiệu Franklin-USA	Cái	Thép, Inox	1	25
8	Máy đục bê tông 30 ly hiệu Lacela (Trung Quốc)	Cái	Thép	1	15
9	Xe đẩy chở bùn (1,2x0,8x0,8)	Cái	Thép	2	200
10	Xe chở bùn (1,2x0.8x0.8)	Cái	Thép	6	500
11	Máy tính xách tay HP Probook 450; CPU: Core i5-7200U; Ram: 4GB;HDD:500GB;LCD: 15,6"	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	2
12	Tivi Panasonic LED 42a 400	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	10

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
13	Máy in Canon 2900	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	5
14	Bộ máy vi tính Intel celeron G1840	Bộ	Nhựa, linh kiện điện tử	1	8
15	Cân bình Clo điện tử 0-200kg (02 cái) An Phú- 10.20.007	Cái	Thép	2	76
16	Máy in Canon Modem MF4122	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	12
17	Máy vi tính Intel Core 2 Due E5300, 2.4HZ, Ram 1GB KingMax, Màn hình 17", LCD Samsung 740N	Bộ	Nhựa, linh kiện điện tử	1	10
18	Động cơ bơm chìm Franklin, Model 2343978602G, CS 4kw (5.5Hp)/380V, xuất xứ Mexico	Cái	Thép, Inox	1	43
19	Máy điều hoà nhiệt độ 1HP (trạm bơm 2- Tuy An)	Cái	Nhựa, đồng, linh kiện điện tử	1	20
20	Máy điều hoà 1HP, Samsung AR10MVFSBWKNSV	Cái	Nhựa, đồng, linh kiện điện tử	1	18
21	Máy trộn 350 lít (Minh Hải) có động cơ	Cái	Thép	1	240
23	Pa lăng xích hiệu Oshima 3 tấn	Cái	Thép	1	21
24	Amplifier+Mixer PMR 860USB, Loa Jamy 04 tất đôi Model 8066K, Micro	Cái	Thiết bị điện	1	14
25	Máy điều hoà tủ đứng (kèm theo phụ kiện)	Cái	Nhựa, đồng, linh kiện điện tử	1	9
26	Máy vi tính CPU G2030	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	8
27	Máy đục phá bê tông hiệu Makita; Model: HM 0810TA;4 Cái; Seri No.0202051; 0169989; 0202044; 0169979	Máy	Thép	2	14

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
28	Bình ắcqui N100 Đồng Nai (có axit)	Bình	Nhựa chì, axit	2	80
29	Máy photocopy Konica Minolta Bizhud 206	Cái	Nhựa, thép linh kiện điện tử	1	40
30	Máy in Canon Modem MF4122	Cái	Nhựa, thép, linh kiện điện tử	1	6
31	Máy bơm chìm 3HP, hiệu Franklin (bao gồm động cơ và guồng bơm)	Cái	Thép, inox, gang	1	31
32	Máy đo độ PH	Cái	Nhựa	1	0,2
33	Palăng xích 5 tấn hiệu ATC	Cái	Thép	1	33
34	Máy đục phá bê tông hiệu Makital; Model: HM0810TA; 2 Cái; Seri No.020251; 0169989	Cái	Thép	2	27
35	Máy hàn ống cầm tay HDPE đường kính từ D20-63:4 cái	Cái	Thép	4	4
36	Máy cắt pêtông động cơ (Vikyno)	Cái	Thép	1	100
37	Máy châm Clor EC-100C/S 0-1kg/h	Cái	Nhựa	1	1
38	Bộ máy vi tính lắp ráp i3-7100	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	7
39	Động cơ bơm chìm bằng thép hiệu FrankLin USA 2,2Kw; 3PH (ĐBSCầu)	Cái	Thép, Inox	1	26
40	Biến tần 11kw hiệu Schneider; Model ATV 32011N4B	Cái	Linh kiện điện tử	1	6
41	Máy đo clo dư cầm tay DR300 (Khoản đo 0.02-2,00 mg/1CL)	Cái	Nhựa	1	1
42	Máy in Brother 2321D	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	7
43	Máy đục bê tông 30ly hiệu Laxela	Cái	Thép	1	11

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
44	Máy hàn (Hồng Ký) 200a (kèm dây)	Cái	Thép, đồng	1	16
45	Máy đục bê tông hiệu Lacela 30cm; 1240W	Cái	Thép	1	8
46	Bộ máy vi tính lắp ráp i3-7100	Bộ	Nhựa, linh kiện điện tử	1	8
47	Máy in đa chức năng Brother DCP-L2520D	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	8
IV	**Danh mục TSCĐ đã hư hỏng cho thanh lý**				
1	Biến tần 22Kw hiệu Schneider - Pháp, Model: ATV630D22N4	Cái	Nhựa, thép, linh kiện điện tử	1	14
2	Máy bơm chìm (G1) Grundfos N=11 Kw; Q=60m3/h; H=46m	Cái	Thép, Inox	1	43
3	Bơm chìm 6””Model NR151-E/4 5,5kw,3ph,hiệu SAER (Italia) Hoà An, Q=46m3/h, H=30m, N5.5Kw	Cái	Thép, Inox	1	13
4	Máy bơm chìm bơm tuần hoàn Q = 42 m3/h, H = 12m, N = 4 kW, hiệu Paragon (2 bộ) BN	Cái	Thép, gang đồng	1	130
5	Máy photo hiệu Canon IR 2520	Cái	Nhựa, linh kiện điện tử	1	55
6	Máy bơm chim Ebara Q=50m3/h, 7.5KW (1 máy)- Số thẻ TS cũ: 07.20.004	Cái	Thép, gang đồng	1	55
7	Máy bơm chìm Ebara Q=50m3/h,7.5KW (2 máy) – Số thẻ TS cũ: 07.20.004	Cái	Thép, gang đồng	1	55
8	Động cơ Máy bơm chìm dự phòng 15KW Franklin	Cái	Inox, đồng	1	51
V	**Danh mục Bình Clo kém phẩm chất, thanh lý**				
1	Bình Clo loại 50kg – D10	Bình	Thép	1	55

STT	Tên	ĐVT	Vật liệu	Số lượng	Trọng lượng (Kg)
2	Bình Clo loại 50kg – D14	Bình	Thép	1	55
3	Bình Clo loại 50kg – D16	Bình	Thép	1	55
4	Bình Clo loại 50kg – D17	Bình	Thép	1	55
5	Bình Clo loại 50kg – D18	Bình	Thép	1	55
6	Bình Clo loại 50kg – D2	Bình	Thép	1	55
7	Bình Clo loại 50kg – D4	Bình	Thép	1	55
8	Bình Clo loại 50kg – D19	Bình	Thép	1	55
9	Bình Clo loại 50kg – D20	Bình	Thép	1	55
10	Bình Clo loại 50kg – D21	Bình	Thép	1	55
11	Bình Clo loại 50kg – D24	Bình	Thép	1	55
12	Bình Clo loại 50kg – D25	Bình	Thép	1	55
13	Bình Clo loại 50kg – D26	Bình	Thép	1	55
14	Bình Clo loại 50kg – D27	Bình	Thép	1	55
15	Bình Clo loại 50kg – D28	Bình	Thép	1	55
16	Bình Clo loại 50kg – D30	Bình	Thép	1	55
17	Bình Clo loại 50kg – D31	Bình	Thép	1	55
18	Bình Clo loại 50kg – B10	Bình	Thép	1	45
19	Bình Clo loại 50kg – B12	Bình	Thép	1	45
20	Bình Clo loại 50kg – C1	Bình	Thép	1	30
21	Bình Clo loại 50kg – C4	Bình	Thép	1	30